TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:113/2022/DS-ST Ngày: 27-9-2022. V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Không.

Trong các ngày 13, 27 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp dân sự Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP T- Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: Số 56 N, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Theo quyết định số 3161/2021/QĐ-PL ký ngày 27/12/2021 của Tổng giám đốc về việc ủy quyền ký kết hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng.

Người đại diện theo ủy của ông Lưu Văn H là anh Phan Quốc T, sinh năm: 1988, chức vụ: Phó phòng giao dịch B. Theo Hợp đồng ủy quyền số 228/GUQ-CNĐT ngày 14/6/2022 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1987 (vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Số 434/B, khóm B, thị trấn T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2022 của Ngân hàng TMCP T, bản khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T, người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Quốc T trình bày:

Ngân hàng có cho bà Nguyễn Thị C vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 01243-00121 ngày 28 tháng 6 năm 2019, theo đó bà C vay số tiền gốc là 40.000.000đ, lãi suất là 30%/năm, thời hạn vay là 6 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 28/12/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, biện pháp bảo đảm không, dư nợ hiện tại là 15.209.000đ. Trong quá trình vay bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 02/10/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2022, bà C có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 15.209.000đ, lãi trong hạn 13.840.190đ, lãi quá hạn là 6.913.758đ, lãi phạt là 691.376đ, tổng cộng gốc lãi là 36.654.324đ (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng*).

Nay Ngân hàng yêu cầu bà C có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền vay tổng cộng gốc lãi là 36.654.324đ và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 01243-00121 ngày 28 tháng 6 năm 2019.

- Bị đơn bà Lê Thị C: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà C không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như tham dự phiên tòa, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của bà C về việc yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP T trình bày: Yêu cầu bà C có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền vay tổng cộng gốc lãi là 36.654.324đ và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 01243-00121 ngày 28 tháng 6 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà C hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở khóm B, thị trấn T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay bà C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy bà C đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong hợp đồng tín dụng. Tòa án huyện đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà C, nhưng bà C không đến Tòa án tham dự các phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01243-00121 ngày 28 tháng 6 năm 2019, Ngân hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu bà C trả lại số tiền vay còn nợ, vì cho rằng bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng đã được ký kết vào năm 2019, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng năm 2017 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu bà C trả lại số tiền vay còn nợ gốc là 15.209.000đ và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 01243-00121 ngày 28 tháng 6 năm 2019 là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01243-00121 ngày 28 tháng 6 năm 2019, việc bà C có vay tiền của ngân hàng là có thật đã xảy. Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng giải ngân vốn, bà C không thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, từ ngày 02/10/2019 đến nay bà C không trả gốc, lãi theo thỏa thuận hợp đồng đã ký, nên đã vi phạm hợp đồng nêu trên.

Bà Nguyễn Thị C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà C không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của ngân hàng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của nà C đối với số tiền nợ nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T buộc bà C có trách nhiệm cá nhân trả lại cho Ngân hàng số tiền còn nợ tổng cộng là 36.654.324đ (trong đó số tiền nợ gốc là 15.209.000đ, lãi trong hạn là 13.840.190đ, lãi quá hạn là 6.913.758đ, lãi phạt là 691.376đ, lãi tạm tính đến ngày 27/9/2022) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

[2.2.] Ngoài Hợp đồng tín dụng số 01243-00121 ngày 28 tháng 6 năm 2019

giữa Ngân hàng TMCP T và bà C, bà C không có thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản thế chấp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm cá nhân trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền vay còn nợ gốc là 15.209.000đ, lãi trong hạn là 13.840.190đ, lãi quá hạn là 6.913.758đ, lãi phạt là 691.376đ, tổng cộng gốc lãi là 36.654.324đ (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng)*, tính lãi đến ngày 27/9/2022, theo Hợp đồng tín dụng số 01243-00121 ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Kể từ ngày 28/9/2022 bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà Ngân hàng TMCP T và bà C thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP T và bà C có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu 1.832.000đ (*Một triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 861.00đ *(Tám trăm sáu mươi một nghìn đồng)* theo biên lai số 0010306 ngày 01/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Cổng thông tin Điện tử TA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ